



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

BAN QLDA CÔNG TRÌNH THỦY LỢI NỘI ĐỒNG

CÔNG VĂN ĐẾN

Số:.....352.....

Ngày: 25/12/2015

ĐIỀU LỆ

Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3258/QĐ-UBND ngày 17/12/2015)

Tháng 12 năm 2015

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *258* /QĐ-UBND

Hải Dương, ngày *17* tháng 12 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Điều lệ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hải Dương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 50/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Nghị định số 51/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ Quy định chế độ quản lý tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc hoặc Phó Giám đốc, Kế toán trưởng trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 09 năm 2015 của Chính phủ về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 61/2013/NĐ-CP ngày 25 tháng 06 năm 2013 của Chính phủ về việc ban hành quy chế giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước làm chủ sở hữu và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 49/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ về giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với doanh nghiệp nhà nước trong việc chấp hành pháp luật và tuân thủ các quy định của chủ sở hữu;

Căn cứ Nghị định số 115/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định chế độ giám sát, kiểm tra việc thực hiện chiến lược, kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ được giao của doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Căn cứ Nghị định số 19/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 03 năm 2014 của Chính phủ ban hành Điều lệ mẫu của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 1419/KHĐT-ĐKKD ngày 17 tháng 11 năm 2015 về việc phê duyệt Điều lệ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hải Dương;

Xét đề nghị của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hải Dương tại Tờ trình số 841/TTr-CTy ngày 13 tháng 11 năm 2015 và hồ sơ kèm theo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Điều lệ Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hải Dương (gồm 09 chương 33 điều).

Điều 2. Chủ tịch, Tổng Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hải Dương chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Điều lệ này theo đúng quy định hiện hành.

Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra và giám sát việc thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 289/QĐ-UBND ngày 19 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc ban hành Điều lệ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hải Dương.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các Sở, ngành, đơn vị liên quan; Chủ tịch, Tổng Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hải Dương căn cứ quyết định thi hành. *Uly*

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 4;
- PCVP UBND tỉnh: Ô. Khuyến;
- Trung tâm Công báo và Tin học - VPUBND tỉnh;
- Lưu: VP, Thụy.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Nguyễn Dương Thái

ĐIỀU LỆ

**Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên
Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hải Dương**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 3258/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12
năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên, địa chỉ công ty, chi nhánh, địa điểm kinh doanh

1. Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI TỈNH HẢI DƯƠNG.

- Tên công ty viết bằng tiếng Anh: COMPANY LIMITED LIABILITY A MEMBER OF ESEPLOITING IRRIGATION HAI DUONG PROVINCE;

- Tên công ty viết tắt: Công ty TNHH MTV KTCTTL Hải Dương.

2. Địa chỉ, trụ sở chính: Km4, đường Nguyễn Lương Bằng, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Điện thoại: 03203.892.899;

- Fax: 03203.892.899.

3. Tên, địa chỉ chi nhánh:

3.1. Xí nghiệp Khai thác công trình thủy lợi (KTCTTL) thị xã Chí Linh
- Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hải Dương:

- Địa chỉ: Số 463, phố Nguyễn Trãi 2, phường Sao đỏ, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương;

- Điện thoại: 03203882325.

3.2. Xí nghiệp KTCTTL huyện Kinh Môn - Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hải Dương:

- Địa chỉ: Phố Phúc Lâm, thị trấn Kinh Môn, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương;

- Điện thoại: 03203.822.437.

3.3. Xí nghiệp KTCTTL huyện Kim Thành - Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hải Dương:

- Địa chỉ: Số 19 Phố Hồng Hà, Thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương;

- Điện thoại: 03203.233.771.

3.4. Xí nghiệp KTCTTL huyện Nam Sách - Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hải Dương:

- Địa chỉ: Số 29 đường Hùng Vương, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương;

- Điện thoại: 03203.757.846.

3.5. Xí nghiệp KTCTTL huyện Thanh Hà - Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hải Dương:

- Địa chỉ: Khu 4, thị trấn Thanh Hà, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương;

- Điện thoại: 03203.815.416.

3.6. Xí nghiệp KTCTTL huyện Cẩm Giàng - Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hải Dương:

- Địa chỉ: Thôn Chi Khê, xã Tân Trường, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương;

- Điện thoại: 03203.786.525.

3.7. Xí nghiệp KTCTTL huyện Bình Giang - Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hải Dương:

- Địa chỉ: Đường Thống Nhất, thị trấn Kè Sặt, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương;

- Điện thoại: 03203.777.121.

3.8. Xí nghiệp KTCTTL huyện Tứ Kỳ - Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hải Dương:

- Địa chỉ: Đường Tây Nguyên, thị trấn Tứ Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương;

- Điện thoại: 03203.747.269.

3.9. Xí nghiệp KTCTTL huyện Gia Lộc - Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hải Dương:

- Địa chỉ: Đường 17, thị trấn Gia Lộc, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương;

- Điện thoại: 03203.716.482.

3.10. Xí nghiệp KTCTTL huyện Ninh Giang - Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hải Dương:

- Địa chỉ: Khu 6, thị trấn Ninh Giang, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương;

- Điện thoại: 03203.767.244.

3.11. Xí nghiệp KTCTTL huyện Thanh Miện - Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hải Dương:

- Địa chỉ: Thôn An Nghiệp, xã Tứ Cường, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

- Điện thoại: 03203.736.575.

3.12. Xí nghiệp khảo sát thiết kế và xây dựng công trình - Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hải Dương:

- Địa chỉ: Thôn Tranh Đầu, xã Gia Xuyên, huyện Gia Lộc;

- Điện thoại: 03203.610.696.

3.13. Ban Quản lý dự án công trình thủy lợi nội đồng - Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hải Dương:

- Địa chỉ: Km 4 đường Nguyễn Lương Bằng, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương;

- Điện thoại: 03203.897.724

Điều 2. Hình thức pháp lý và tư cách pháp nhân

1. Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hải Dương tổ chức và hoạt động dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

2. Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hải Dương có tư cách pháp nhân, con dấu riêng và được mở tài khoản tiền đồng Việt Nam và ngoại tệ tại Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng trong nước theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hải Dương có vốn và tài sản riêng, chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác bằng toàn bộ tài sản của mình. Chủ sở hữu công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi vốn điều lệ của công ty.

4. Thời gian hoạt động của công ty là 50 (năm mươi) năm, kể từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thành lập công ty.

5. Việc gia hạn hoặc rút ngắn thời hạn hoạt động của công ty căn cứ vào quyết định của Chủ sở hữu và phải đăng ký thay đổi tại cơ quan đăng ký kinh doanh, loại trừ trường hợp công ty bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, bị giải thể hoặc phá sản.

Điều 3. Mục tiêu hoạt động, ngành, nghề kinh doanh

1. Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hải Dương hoạt động theo các mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh do Chủ sở hữu công ty giao, bao gồm :

1.1. Mục tiêu, nhiệm vụ của công ty:

- Quản lý, bảo vệ và khai thác hệ thống công trình thủy lợi được Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý nhằm đáp ứng các yêu cầu về nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và các ngành kinh tế quốc dân trong tỉnh theo quy định của nhà nước và của tỉnh;

- Thực hiện việc hợp đồng, tổ chức thực hiện các nội dung của hợp đồng, nghiệm thu, thanh quyết toán tiền thủy lợi phí theo chế độ chính sách hiện hành của nhà nước;

- Làm chủ đầu tư trong việc duy tu, sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi bằng nguồn vốn của công ty quản lý theo quy định của nhà nước và của tỉnh;

- Làm chủ đầu tư các dự án đầu tư thủy lợi nội đồng có nguồn vốn từ ngân sách hoặc có nguồn gốc từ ngân sách theo quy định của nhà nước và của tỉnh;

- Xây dựng phương án phòng chống úng, hạn, khắc phục hậu quả thiên tai trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt;

- Tổ chức sản xuất, kinh doanh các ngành nghề phù hợp với nhiệm vụ và năng lực công ty.

1.2. Ngành, nghề kinh doanh của công ty đăng ký:

STT	Tên Ngành	Mã ngành
1	Hoạt động dịch vụ trồng trọt Chi tiết: Dịch vụ tưới tiêu nước, cấp nước cho nông nghiệp và các ngành kinh tế quốc dân khác trong tỉnh	0161
2	Khảo sát, thiết kế công trình thủy lợi, giao thông và xây dựng dân dụng; thiết kế công trình đường dây tải điện, trạm biến áp đến 35Kv; thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế quy hoạch mặt bằng, kiến trúc nội ngoại thất đối với công trình dân dụng, công nghiệp; lập các dự án đầu tư, khảo sát đo đạc các công trình xây dựng; tư vấn quản lý dự án, tư vấn đấu thầu, tư vấn mua sắm vật tư thiết bị công nghệ, công trình thủy sản và hạ tầng kỹ thuật; tư vấn xây dựng các công trình thủy sản; tư vấn giám sát các công trình thủy lợi; xây dựng các công trình thủy lợi, giao thông và dân dụng; xây dựng công trình nước sạch; sản xuất và kinh doanh nước sạch; xây dựng, lắp đặt các công trình công nghiệp, bến cảng, hạ tầng kỹ thuật đô thị, công trình cấp thoát nước, vệ sinh môi trường, đường dây và trạm biến áp đến 35Kv; san lấp mặt bằng xây dựng; sửa chữa, lắp đặt các máy móc thiết bị công nghiệp, xây dựng, thủy lợi; khai thác đất, đá, cát, sỏi và sản xuất vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông; gia công các sản phẩm cơ khí; gia công lắp dựng kết cấu thép; mua bán các loại ống nước và phụ kiện ngành nước, máy móc thiết bị công nghiệp, vật liệu xây dựng, nông, lâm, thủy sản, phụ tùng thay thế; kinh doanh vận tải hàng hóa và hành khách bằng ô tô; nuôi trồng thủy sản và chăn nuôi gia súc.	

Trong quá trình hoạt động, công ty có thể thay đổi ngành nghề kinh doanh theo quy định của pháp luật, sau khi được Chủ sở hữu chấp thuận, thông báo và được cơ quan đăng ký kinh doanh đồng ý bổ sung vào hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và được đăng tải trên hệ thống đăng ký kinh doanh quốc gia *dangkykinhdoanh.gov.vn*.

2. Doanh nghiệp phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.

Điều 4. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ là số vốn chủ sở hữu cam kết góp trong thời hạn nhất định và được ghi vào Điều lệ công ty. Thời hạn cam kết góp vốn khi đăng ký thành lập công ty được ghi tại Khoản 4 Điều này; trường hợp thay đổi vốn điều lệ sau khi công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, thời hạn cam kết góp vốn ghi trong hồ sơ đăng ký thay đổi vốn điều lệ của công ty.

2. Vốn điều lệ của công ty tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp là tổng giá trị tài sản do Chủ sở hữu cam kết góp và ghi trong Điều lệ công ty.

3. Vốn điều lệ của công ty là **736.153.000.000 đồng** (*Bảy trăm ba mươi sáu tỷ, một trăm năm mươi ba triệu đồng*).

4. Chủ sở hữu phải góp đủ và đúng loại tài sản như đã cam kết khi đăng ký thành lập doanh nghiệp trong thời hạn 90 (Chín mươi) ngày, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

5. Trường hợp không góp đủ vốn điều lệ trong thời hạn 90 ngày quy định tại Khoản 4 Điều này, Chủ sở hữu công ty phải đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ bằng giá trị số vốn thực góp trong thời hạn 30 (Ba mươi) ngày, kể từ ngày cuối cùng phải góp đủ vốn điều lệ. Trong trường hợp này, Chủ sở hữu phải chịu trách nhiệm tương ứng với phần vốn góp đã cam kết đối với các nghĩa vụ tài chính của công ty phát sinh trong thời gian trước khi công ty đăng ký thay đổi vốn điều lệ.

6. Chủ sở hữu chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với các nghĩa vụ tài chính của công ty và thiệt hại xảy ra do không góp, không góp đủ và không góp đúng hạn vốn điều lệ.

Điều 5. Tăng, giảm vốn điều lệ

1. Theo quyết định của Chủ sở hữu, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên giảm vốn điều lệ theo cách sau đây:

a) Hoàn trả một phần vốn góp trong vốn điều lệ của công ty nếu đã hoạt động kinh doanh liên tục trong hơn hai năm, kể từ ngày đăng ký doanh nghiệp; đồng thời vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho Chủ sở hữu;

b) Vốn điều lệ không được chủ sở hữu thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Điều 74 của Luật Doanh nghiệp năm 2014.

2. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tăng vốn điều lệ bằng việc Chủ sở hữu công ty đầu tư thêm hoặc huy động thêm vốn góp của người khác. Chủ sở hữu quyết định hình thức tăng và mức tăng vốn điều lệ.

3. Trường hợp tăng vốn điều lệ bằng việc huy động thêm phần vốn góp của người khác, công ty phải tổ chức quản lý theo một trong hai cách sau đây:

a) Tổ chức quản lý theo loại hình công ty trách nhiệm hai thành viên trở lên và thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày hoàn tất việc tăng vốn điều lệ;

b) Thực hiện chuyển đổi thành công ty cổ phần theo quy định tại Điều 196 của Luật Doanh nghiệp năm 2014.

Điều 6. Quy định về con dấu của công ty

Hiện công ty và các chi nhánh đang sử dụng các con dấu đã được cơ quan công an đăng ký mẫu con dấu.

Khi có sự thay đổi về con dấu, công ty có quyền quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

Con dấu công ty được thể hiện như sau:

a) Hình thức, kích thước con dấu: Hình tròn, mực sử dụng màu đỏ;

b) Số lượng con dấu: Công ty có 01 (một) con dấu; mỗi chi nhánh có 01 (một) con dấu;

c) Trách nhiệm quản lý, sử dụng con dấu: Theo đúng quy định của pháp luật;

d) Giải quyết tranh chấp về con dấu: Theo đúng quy định của pháp luật;

Nội dung con dấu công ty thể hiện những thông tin sau đây: a) Tên doanh nghiệp; b) Mã số doanh nghiệp c) Tên tỉnh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở (tỉnh Hải Dương).

Sau khi khắc con dấu, công ty thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Công ty chỉ được sử dụng con dấu sau khi mẫu con dấu được đăng tải trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và nhận được thông báo về việc đăng tải thông tin về mẫu con dấu doanh nghiệp của cơ quan đăng ký kinh doanh. Con dấu được sử dụng trong các trường hợp theo quy định của pháp luật về việc sử dụng dấu.

Việc quản lý, sử dụng và lưu giữ con dấu giao cho người đại diện theo pháp luật của công ty.

Doanh nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác, hợp pháp, phù hợp thuần phong mỹ tục, văn hóa, khả năng gây nhầm lẫn của mẫu con dấu và tranh chấp phát sinh do việc quản lý và sử dụng con dấu.

Tranh chấp về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của doanh nghiệp, việc quản lý, sử dụng và lưu giữ con dấu doanh nghiệp được giải quyết tại tòa án hoặc trọng tài.

Điều 7. Chủ sở hữu

- Tên chủ sở hữu: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG;
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 45 phố Quang Trung, phường Quang Trung, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương
- Tel: 03203.853.713; Fax: 03203.853.601.

Điều 8. Người đại diện theo pháp luật

Chức danh người đại diện theo pháp luật: Tổng Giám đốc công ty.

Người đại diện theo pháp luật của công ty phải thường trú tại Việt Nam, nếu vắng mặt quá 30 (Ba mươi) ngày ở Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho 01 người khác theo thứ tự sau: Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty.

Điều 9. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong công ty

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong công ty hình thành, hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.
2. Các tổ chức chính trị - xã hội khác trong công ty hình thành, hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội phù hợp với quy định của pháp luật.
3. Công ty tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thời gian, điều kiện cần thiết khác để thành viên các tổ chức Đảng, tổ chức chính trị - xã hội thực hiện việc sinh hoạt đầy đủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và nội quy của các tổ chức đó.

Chương II QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 10. Quyền của công ty

1. Tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm.
2. Tự chủ kinh doanh và lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh; chủ động điều chỉnh quy mô và ngành, nghề kinh doanh.
3. Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn.
4. Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng.
5. Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu.
6. Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh.

7. Chủ động ứng dụng khoa học và công nghệ để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh.

8. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của doanh nghiệp.

9. Từ chối yêu cầu cung cấp nguồn lực không theo quy định của pháp luật.

10. Khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

11. Tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

12. Quyền khác theo quy định của luật có liên quan.

Điều 11. Nghĩa vụ của công ty

1. Đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật đầu tư và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.

2. Tổ chức công tác kế toán, lập và nộp báo cáo tài chính trung thực, chính xác, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê.

3. kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

4. Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; không được phân biệt đối xử và xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người lao động trong doanh nghiệp; không được sử dụng lao động cưỡng bức và lao động trẻ em; hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tham gia đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng nghề; thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật.

5. Bảo đảm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa, dịch vụ theo tiêu chuẩn do pháp luật quy định hoặc tiêu chuẩn đã đăng ký hoặc công bố.

6. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các nghĩa vụ về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, công khai thông tin về thành lập và hoạt động, báo cáo và các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp năm 2014 và quy định khác của pháp luật có liên quan.

7. Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và các báo cáo; trường hợp phát hiện thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó.

8. Tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bình đẳng giới, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh.

9. Thực hiện nghĩa vụ về đạo đức kinh doanh để bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của khách hàng và người tiêu dùng.

Chương III

QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Điều 12. Quyền của Chủ sở hữu công ty

Chủ sở hữu công ty có các quyền sau đây:

- a) Quyết định nội dung Điều lệ công ty, sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- b) Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;
- c) Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý công ty;
- d) Quyết định các dự án đầu tư phát triển;
- đ) Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- e) Thông qua hợp đồng vay, cho vay và các hợp đồng khác do Điều lệ công ty quy định có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- g) Quyết định bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- h) Quyết định tăng vốn điều lệ của công ty; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty cho tổ chức, cá nhân khác;
- i) Quyết định thành lập công ty con, góp vốn vào công ty khác;
- k) Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động kinh doanh của công ty;
- l) Quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty;
- m) Quyết định tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản công ty;
- n) Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của công ty sau khi công ty hoàn thành giải thể hoặc phá sản.

Điều 13. Nghĩa vụ của Chủ sở hữu công ty

1. Góp đầy đủ và đúng hạn vốn điều lệ công ty.
2. Tuân thủ Điều lệ công ty.
3. Phải xác định và tách biệt tài sản của Chủ sở hữu công ty và tài sản của công ty. Chủ sở hữu công ty là cá nhân phải tách biệt các chi tiêu của cá nhân và gia đình mình với các chi tiêu trên cương vị là Chủ tịch công ty và Tổng Giám đốc.
4. Tuân thủ quy định của pháp luật về hợp đồng và pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các giao dịch khác giữa công ty và chủ sở hữu công ty.
5. Chủ sở hữu công ty chỉ được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác;

trường hợp rút một phần hoặc toàn bộ vốn đã góp ra khỏi công ty dưới hình thức khác thì chủ sở hữu và cá nhân, tổ chức có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty.

6. Chủ sở hữu công ty không được rút lợi nhuận khi công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Chương IV TỔ CHỨC, QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 14. Mô hình tổ chức, quản lý công ty

Công ty được tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc và Kiểm soát viên.

Điều 15. Chủ tịch công ty

1. Chủ tịch công ty do Chủ sở hữu quyết định bổ nhiệm với nhiệm kỳ không quá 5 (năm) năm. Chủ tịch công ty có thể được bổ nhiệm lại.

2. Chủ tịch công ty nhân danh Chủ sở hữu thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu công ty; nhân danh công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc công ty, chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ sở hữu công ty về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao, Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan. Chủ tịch công ty chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu công ty và pháp luật về mọi hoạt động của công ty.

3. Quyền và trách nhiệm của Chủ tịch công ty:

3.1. Quyết định chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 5 (năm) năm của công ty sau khi đề nghị và được Chủ sở hữu công ty phê duyệt;

3.2. Quyết định kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển hàng năm và gửi quyết định đến Chủ sở hữu công ty để tổng hợp, giám sát;

3.3. Đề nghị Chủ sở hữu công ty bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, khen thưởng, kỷ luật đối với Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc công ty;

3.4. Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng theo đề nghị của Tổng Giám đốc công ty;

3.5. Quyết định việc góp vốn, nắm giữ, tăng, giảm vốn của công ty tại các doanh nghiệp khác sau khi đề nghị và được Chủ sở hữu công ty phê duyệt chủ trương;

3.6. Quyết định hoặc ủy quyền cho Tổng Giám đốc công ty quyết định dự án đầu tư, hợp đồng vay, cho vay, mua, bán tài sản trong phạm vi thẩm quyền được quy định tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật;

3.7. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh và các đơn vị hạch toán phụ thuộc khác sau khi đề nghị và được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương;

3.8. Quyết định các quy chế quản lý nội bộ của công ty. Phê duyệt báo cáo tài chính, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ sau khi được cấp có thẩm quyền chấp thuận;

3.9. Quyết định kế hoạch sử dụng lao động; xây dựng quy chế và thực hiện trả lương, thù lao, tiền thưởng cho viên chức quản lý; xác định khoản tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Kiểm soát viên; quyết định quỹ tiền lương thực hiện của người lao động;

3.10. Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ của công ty;

3.11. Thực hiện sắp xếp, tái cơ cấu, đổi mới doanh nghiệp sau khi đề án được phê duyệt;

3.12. Đề nghị Chủ sở hữu công ty quyết định hoặc phối hợp, thỏa thuận với các cơ quan có liên quan quy định tại Chương III Điều lệ này những vấn đề sau:

a) Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, khen thưởng, kỷ luật đối với Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc công ty và Kiểm soát viên công ty;

b) Điều chỉnh vốn điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty, tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể và yêu cầu phá sản công ty;

3.13. Chịu trách nhiệm quản lý và điều hành công ty tuân thủ đúng quy định của pháp luật và các quyết định của Chủ sở hữu công ty; quản lý sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn có hiệu quả; báo cáo kịp thời cho Chủ sở hữu công ty về doanh nghiệp hoạt động thua lỗ, không đảm bảo khả năng thanh toán, không hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ do Chủ sở hữu giao hoặc những trường hợp sai phạm khác.

4. Tiêu chuẩn và điều kiện của Chủ tịch công ty:

4.1. Thường trú tại Việt Nam; Chủ tịch công ty phải là công dân Việt Nam;

4.2. Tốt nghiệp đại học, có năng lực kinh doanh và quản lý doanh nghiệp. Chủ tịch công ty phải có kinh nghiệm ít nhất 3 (ba) năm làm công tác quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành, nghề kinh doanh chính hoặc ngành nghề có liên quan đến ngành nghề kinh doanh chính của công ty;

4.3. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật;

4.4. Không đồng thời là cán bộ trong bộ máy quản lý nhà nước hoặc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hoặc các chức vụ quản lý, điều hành tại các doanh nghiệp thành viên;

4.5. Không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;

4.6. Không là Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc đã từng bị miễn nhiệm trước thời hạn tại công ty hoặc ở doanh nghiệp nhà nước khác.

5. Miễn nhiệm, thay thế Chủ tịch công ty

Chủ tịch công ty bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

5.1. Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố;

5.2. Không đủ năng lực, trình độ đảm nhận công việc được giao, bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

5.3. Không trung thực trong thực thi nhiệm vụ, quyền hạn hoặc lạm dụng địa vị, quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính và sản xuất kinh doanh của công ty;

5.4. Theo yêu cầu công tác, do thay đổi về tổ chức hoặc trong các trường hợp: Không đủ sức khỏe hoặc không còn đủ uy tín, điều kiện để giữ chức vụ Chủ tịch công ty;

5.5. Khi công ty không hoàn thành các nhiệm vụ hoặc chỉ tiêu do Chủ sở hữu công ty giao mà không giải trình được nguyên nhân khách quan và được chủ sở hữu công ty chấp thuận;

5.6. Không đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện quy định Khoản 4, Điều 15 Điều lệ này.

6. Nghĩa vụ của Chủ tịch công ty:

6.1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Chủ sở hữu công ty trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;

6.2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và Chủ sở hữu công ty;

6.3. Trung thành với lợi ích của công ty và Chủ sở hữu công ty. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, địa vị, chức vụ và tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

6.4. Thông báo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho công ty về các doanh nghiệp mà mình và người có liên quan làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty;

6.5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty thực hiện các hành vi sau đây:

- Vi phạm pháp luật;

- Tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch khác không nhằm phục vụ lợi ích của công ty và gây thiệt hại cho người khác;

- Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

6.6. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước là chủ sở hữu.

7. Lương, thưởng và lợi ích khác của Chủ tịch công ty do Chủ sở hữu công ty quyết định và được tính vào chi phí của công ty.

8. Chủ tịch công ty sử dụng bộ máy quản lý, điều hành, bộ phận giúp việc và con dấu của công ty để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch công ty được quyền tổ chức lấy ý kiến các chuyên gia tư vấn trong và ngoài nước trước khi quyết định các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch công ty. Chi phí lấy ý kiến chuyên gia tư vấn được quy định tại quy chế quản lý tài chính của công ty.

9. Các quyết định thuộc thẩm quyền quy định tại Khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, ký tên với chức danh Chủ tịch công ty trong trường hợp Chủ tịch công ty kiêm Tổng Giám đốc.

10. Quyết định của Chủ tịch công ty có giá trị pháp lý kể từ ngày được ký và đóng dấu với chức danh Chủ tịch công ty, trừ trường hợp phải được Chủ sở hữu công ty chấp thuận.

11. Chủ tịch công ty làm việc hàng ngày tại công ty. Trường hợp vắng mặt ở Việt Nam trên 30 (Ba mươi) ngày thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện quyền, nhiệm vụ của Chủ tịch công ty và được sự chấp thuận của Chủ sở hữu công ty; các trường hợp khác về ủy quyền thực hiện theo quy chế quản lý nội bộ của công ty.

Điều 16. Tổng Giám đốc công ty

1. Tổng Giám đốc do Chủ sở hữu công ty bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, thay thế, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật theo đề nghị của Chủ tịch công ty.

2. Tổng Giám đốc được bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng với nhiệm kỳ không quá 5 (năm) năm.

3. Chủ tịch công ty có thể kiêm Tổng Giám đốc công ty.

4. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 4, Điều 15 Điều lệ này, quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu và các tiêu chuẩn khác theo ngành, lĩnh vực kinh doanh chính của công ty (nếu có).

5. Tổng Giám đốc có các quyền sau đây:

5.1. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Chủ tịch công ty;

5.2. Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty;

5.3. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;

5.4. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Chủ tịch công ty;

5.5. Ký kết hợp đồng nhân danh công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch công ty;

5.6. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức công ty;

5.7. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Chủ tịch công ty;

5.8. Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

5.9. Ban hành quy chế và thực hiện tuyển dụng, sử dụng lao động theo quy định;

5.10. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ và quyết định bổ nhiệm hoặc hợp đồng thuê (nếu có);

5.11. Tổ chức rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới quy chế trả lương, quy chế thưởng sau khi có ý kiến của Chủ tịch công ty; quyết định việc xây dựng đơn giá tiền lương, mức tạm ứng quỹ tiền lương để trả lương cho người lao động; quyết định tỷ lệ trích dự phòng tiền lương, quỹ thưởng từ quỹ khen thưởng, phúc lợi theo quy chế của công ty.

6. Tổng Giám đốc có các nghĩa vụ sau:

6.1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ, nghị quyết, quyết định của Chủ tịch công ty trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;

6.2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo tối đa lợi ích hợp pháp của công ty;

6.3. Trung thành với lợi ích của công ty. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

6.4. Thông báo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho công ty về các doanh nghiệp mà Tổng Giám đốc và người có liên quan làm chủ hoặc có cổ phần, phần góp vốn. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty;

6.5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật; tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch khác không nhằm phục vụ lợi ích của công ty và gây thiệt hại cho người khác; thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty;

6.6. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và pháp luật về công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

6.7. Xây dựng định mức lao động, kế hoạch sử dụng lao động, đánh giá tình hình sử dụng lao động; xác định quỹ tiền lương kế hoạch và thực hiện của người lao động báo cáo Chủ tịch công ty.

7. Chủ sở hữu công ty xem xét và quyết định miễn nhiệm, thay thế Tổng Giám đốc theo đề nghị của Chủ tịch công ty trong những trường hợp sau đây:

7.1. Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố hoặc các trường hợp bị miễn nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều lệ này;

7.2. Không đủ năng lực, trình độ đảm nhận công việc được giao, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

7.3. Quyết định vượt thẩm quyền dẫn tới hậu quả nghiêm trọng đối với công ty;

7.4. Tổng Giám đốc xin từ chức;

7.5. Khi có quyết định điều chuyển, bố trí công việc khác;

7.6. Các trường hợp khác theo quy định tại quyết định bổ nhiệm hoặc hợp đồng thuê Tổng Giám đốc công ty và pháp luật liên quan.

Điều 17. Kiểm soát viên

1. Chủ sở hữu công ty quyết định số lượng kiểm soát viên với nhiệm kỳ không quá 5 (năm) năm và việc thành lập Ban kiểm soát. Kiểm soát viên chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ sở hữu công ty về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình.

2. Kiểm soát viên có các nhiệm vụ sau đây:

a) Kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty và Tổng Giám đốc trong tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu, trong quản lý điều hành công việc kinh doanh của công ty;

b) Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý và các báo cáo khác trước khi trình Chủ sở hữu công ty hoặc cơ quan nhà nước có liên quan; trình Chủ sở hữu công ty báo cáo thẩm định;

c) Kiến nghị Chủ sở hữu công ty các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của công ty.

3. Kiểm soát viên có quyền sau đây:

a) Xem xét bất kỳ hồ sơ, tài liệu nào của công ty tại trụ sở chính hoặc chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty. Thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về thực hiện quyền chủ sở hữu, về quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên;

b) Tham dự và thảo luận tại các cuộc họp Hội đồng thành viên và các cuộc họp khác trong công ty.

4. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2, Điều 18 của Luật doanh nghiệp năm 2014;

b) Không phải là người có liên quan của Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc, người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm Kiểm soát viên;

c) Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán hoặc trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của công ty hoặc tiêu chuẩn, điều kiện khác quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 18. Nghĩa vụ của Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc và Kiểm soát viên

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Chủ sở hữu công ty trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và chủ sở hữu công ty.

3. Trung thành với lợi ích của công ty và chủ sở hữu công ty. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Thông báo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty.

Điều 19. Hợp đồng, giao dịch với những người có liên quan

1. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc và Kiểm soát viên xem xét quyết định các chức danh sau đây:

a) Tổng Giám đốc và Kiểm soát viên;

b) Người có liên quan của những người quy định tại Điểm a Khoản này;

c) Người có liên quan của những người quy định tại Điểm b Khoản này.

Người ký kết hợp đồng phải thông báo cho Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch đó. Chủ tịch công ty và Kiểm soát viên phải quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo theo nguyên tắc đa số, mỗi người có một phiếu biểu quyết; người có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

2. Hợp đồng, giao dịch quy định tại Khoản 1 Điều này chỉ được chấp thuận khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Các bên ký kết hợp đồng hoặc thực hiện giao dịch là những chủ thể pháp lý độc lập, có quyền, nghĩa vụ, tài sản và lợi ích riêng biệt;

b) Giá sử dụng trong hợp đồng hoặc giao dịch là giá thị trường tại thời điểm hợp đồng được ký kết hoặc giao dịch được thực hiện;

c) Chủ sở hữu công ty tuân thủ đúng nghĩa vụ quy định tại Khoản 4 Điều 76 của Luật doanh nghiệp năm 2014.

3. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật nếu được giao kết không đúng quy định tại Khoản 1 và 2 Điều này và gây thiệt hại cho công ty. Người ký hợp đồng và các bên của hợp đồng liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại phát sinh và hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

4. Hợp đồng, giao dịch giữa công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do cá nhân làm chủ sở hữu với Chủ sở hữu công ty hoặc người có liên quan của Chủ sở hữu công ty phải được ghi chép lại và lưu giữ thành hồ sơ riêng của công ty.

Điều 20. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của người quản lý công ty và Kiểm soát viên

1. Công ty trả thù lao, tiền lương và thưởng cho Tổng Giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thù lao, tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

Điều 21. Đơn vị trực thuộc

1. Đơn vị trực thuộc là Xí nghiệp Khai thác công trình thủy lợi huyện, thị xã hoạt động thuộc lĩnh vực công ích là đơn vị không có vốn và tài sản riêng. Toàn bộ vốn, tài sản của đơn vị hạch toán phụ thuộc được hạch toán kế toán tập trung tại công ty và thuộc sở hữu của công ty.

Đơn vị tổ chức hạch toán phụ thuộc, được công ty ủy quyền ký kết một số loại hợp đồng kinh tế, thực hiện các hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính, tổ chức và nhân sự theo phân cấp của công ty, quy định trong Điều lệ này hoặc quy chế hoạt động của đơn vị hạch toán phụ thuộc do Tổng Giám đốc xây dựng và trình Chủ tịch công ty phê duyệt.

Công ty chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết của các đơn vị hạch toán phụ thuộc (trừ những nghĩa vụ tài chính đã phân cấp, ủy quyền cho đơn vị trực thuộc).

2. Đơn vị trực thuộc tổ chức sản xuất kinh doanh ngoài công ích là đơn vị có vốn và tài sản riêng; là đơn vị tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm, tự tổ chức hạch toán hiệu quả sản xuất kinh doanh gọi là đơn vị được tổ chức hạch toán riêng theo quy định của pháp luật. Toàn bộ vốn, tài sản của đơn vị hạch toán riêng thuộc sở hữu riêng (trừ số vốn, tài sản công ty giao cho đơn vị quản lý, sử dụng).

Toàn bộ vốn, tài sản của đơn vị được ghi nhận vào báo cáo tài chính hợp nhất toàn công ty.

Đơn vị hạch toán riêng được ký kết một số loại hợp đồng kinh tế, thực hiện các hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính, tổ chức và nhân sự theo phân cấp của công ty, quy định trong Điều lệ này hoặc quy chế hoạt động của đơn vị hạch toán riêng do Tổng Giám đốc xây dựng và trình Chủ tịch công ty phê duyệt. Công ty không chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết của các đơn vị hạch toán riêng.

Điều 22. Hình thức tham gia quản lý của người lao động

Người lao động tham gia quản lý công ty thông qua các hình thức và tổ chức sau đây:

1. Hội nghị toàn thể hoặc Hội nghị đại biểu người lao động công ty.
2. Tổ chức công đoàn công ty.
3. Ban Thanh tra nhân dân.
4. Thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Nội dung tham gia quản lý công ty của người lao động

1. Người lao động có quyền tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến và đề xuất với cấp có thẩm quyền các vấn đề sau:

- 1.1. Xây dựng và tổ chức thực hiện các nội quy, quy chế nội bộ công ty liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động;
 - 1.2. Tham gia đối thoại, thương lượng và ký kết thỏa ước lao động tập thể;
 - 1.3. Các giải pháp nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, dịch vụ, tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành, an toàn lao động, vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường, cải thiện điều kiện làm việc, sắp xếp bố trí lao động;
 - 1.4. Phương án tổ chức lại, chuyển đổi công ty;
 - 1.5. Tham gia bỏ phiếu tín nhiệm đối với các chức danh quản lý, điều hành công ty khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật;
 - 1.6. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật có liên quan.
2. Tập thể người lao động trong công ty có quyền tham gia giám sát:
- 2.1. Việc thực hiện nghị quyết Hội nghị người lao động;

2.2. Việc thực hiện các nội quy, quy chế, Điều lệ của công ty; thực hiện thỏa ước lao động tập thể; thực hiện hợp đồng lao động; thực hiện các chế độ, chính sách đối với người lao động;

2.3. Việc thu và sử dụng các loại quỹ do người lao động đóng góp;

2.4. Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo và tranh chấp lao động; kết quả thi đua, khen thưởng hàng năm.

3. Hàng năm công ty có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ban chấp hành Công đoàn tổ chức Hội nghị người lao động để bàn giải pháp thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kinh doanh mà Chủ tịch công ty đã thông qua; đánh giá việc thực hiện thỏa ước lao động tập thể, các nội quy, quy chế của công ty và những vấn đề khác liên quan tới quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.

4. Quan hệ giữa công ty và người lao động thực hiện theo các quy định pháp luật về lao động. Tổng Giám đốc công ty lập kế hoạch để Chủ tịch công ty thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người quản lý và người lao động trong công ty cũng như mối quan hệ giữa công ty với tổ chức Công đoàn của người lao động.

Chương V **QUẢN LÝ TÀI CHÍNH**

Điều 24. Quản lý tài chính công ty

Quản lý tài chính của công ty thực hiện theo Quy chế quản lý tài chính công ty do Chủ tịch công ty ban hành phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014; Luật quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014 và các văn bản pháp luật có liên quan, bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

1. Quản lý và sử dụng vốn, tài sản của công ty, trong đó có hoạt động đầu tư vốn ra ngoài công ty; quyền, trách nhiệm của công ty khi đầu tư vốn vào doanh nghiệp khác; cơ chế quản lý, quyền, trách nhiệm, thù lao, tiền lương, thưởng, quyền lợi và tiêu chuẩn người đại diện của công ty tại doanh nghiệp khác.

2. Quản lý doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh, trong đó có quy định về phân phối thu nhập, sử dụng các quỹ.

3. Kế hoạch tài chính, chế độ kế toán, thống kê và kiểm toán.

4. Những nội dung khác có liên quan.

Chương VI **GIẢI THỂ CÔNG TY**

Điều 25. Các trường hợp và điều kiện giải thể công ty

1. Doanh nghiệp bị giải thể trong các trường hợp sau đây:

- a) Theo quyết định của chủ sở hữu công ty;
- b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Doanh nghiệp chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và doanh nghiệp không trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài. Người quản lý có liên quan và doanh nghiệp quy định tại Điểm b, Khoản 1 Điều này cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ của doanh nghiệp.

Điều 26. Trình tự, thủ tục giải thể công ty

Việc giải thể được thực hiện theo quy định tại các Điều 201, 202, 203, 204 và 205 của Luật doanh nghiệp năm 2014 và các quy định khác của pháp luật.

Chương VII

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, CÔNG KHAI THÔNG TIN

Điều 27. Trách nhiệm báo cáo và thông tin

1. Tổng Giám đốc có trách nhiệm gửi Chủ tịch công ty những tài liệu sau đây theo định kỳ hàng quý:

- a) Báo cáo về tình hình kinh doanh của công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty và các báo cáo khác theo quy định.

2. Chủ tịch công ty có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý của công ty cung cấp mọi hồ sơ, tài liệu liên quan đến tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch công ty.

3. Tổng Giám đốc công ty là người chịu trách nhiệm tổ chức lưu giữ và bảo mật hồ sơ, tài liệu của công ty.

Điều 28. Báo cáo và thông tin cho Chủ sở hữu

1. Chủ tịch công ty lập và gửi Chủ sở hữu công ty những tài liệu sau đây:

- a) Báo cáo về tình hình kinh doanh và tài chính của công ty;
- b) Báo cáo về tình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch công ty; của các cán bộ quản lý công ty về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được ủy quyền;
- c) Các tài liệu khác theo quy định của Điều lệ này và của pháp luật về chế độ thông tin, báo cáo của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

2. Kiểm soát viên trình Chủ sở hữu công ty:

a) Báo cáo kết quả kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng của Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc trong tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu, trong quản lý điều hành công việc kinh doanh của công ty;

b) Báo cáo kết quả thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh;

c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý và các tài liệu khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật về chế độ báo cáo, thông tin của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

3. Các báo cáo định kỳ được lập và trình hàng quý. Báo cáo đột xuất được lập và gửi theo yêu cầu của Chủ sở hữu công ty trong từng trường hợp.

Điều 29. Công khai thông tin

1. Người đại diện theo pháp luật của công ty quyết định và chịu trách nhiệm việc công khai thông tin ra bên ngoài của công ty. Bộ phận lưu giữ hồ sơ, tài liệu của công ty chỉ được cung cấp thông tin ra bên ngoài theo quyết định của người đại diện theo pháp luật của công ty hoặc người được người đại diện theo pháp luật của công ty ủy quyền.

2. Biểu mẫu, nội dung và nơi gửi thông tin thực hiện theo các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Trường hợp có yêu cầu thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, người đại diện theo pháp luật của công ty là người chịu trách nhiệm trong tổ chức cung cấp thông tin theo đúng quy định của pháp luật về thanh tra, kiểm tra.

Chương VIII SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY NGUYÊN TẮC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 30. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty

Chủ sở hữu công ty quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty. Chủ tịch công ty có quyền kiến nghị Chủ sở hữu công ty sửa đổi, bổ sung Điều lệ này.

Điều 31. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ

Việc giải quyết tranh chấp nội bộ trong công ty trước hết phải được thực hiện theo phương thức thương lượng, hòa giải. Trường hợp giải quyết tranh chấp nội bộ theo phương thức thương lượng, hòa giải không đạt được kết quả thì bất kỳ bên nào cũng có quyền đưa tranh chấp ra cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chương IX
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 32. Hiệu lực thi hành

Điều lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Chủ sở hữu công ty phê duyệt.

Điều 33. Phạm vi thi hành

1. Chủ sở hữu, công ty, các đơn vị và cá nhân có liên quan có trách nhiệm tuân thủ các quy định tại Điều lệ công ty.
2. Các Quy chế nội bộ của công ty phải tuân thủ nguyên tắc, nội dung của điều lệ.
3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được quy định tại điều lệ hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong điều lệ thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng để điều chỉnh hoạt động của công ty. *llh*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH



Nguyễn Dương Thái



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1621 /QĐ-UBND

Hải Dương, ngày 01 tháng 6 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hải Dương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;
Căn cứ Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Căn cứ Nghị định số 19/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 03 năm 2014 của Chính phủ ban hành Điều lệ mẫu của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Nghị định số 49/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ về giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với doanh nghiệp nhà nước trong việc chấp hành pháp luật và tuân thủ các quy định của chủ sở hữu;

Căn cứ Nghị định số 115/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định chế độ giám sát, kiểm tra việc thực hiện chiến lược, kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ được giao của doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 09 năm 2015 của Chính phủ về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 97/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ Quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 841/TTTr-SKHĐT-ĐKKD ngày 25/5/2018,

CY TNHH MTV KTCT THỦY LỢI - HẢI DƯƠNG
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 041/b./20.18
Ngày: 01/6/2018



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hải Dương (ban hành kèm theo Quyết định số 3258/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương), cụ thể như sau:

1. Điều 1. Tên, địa chỉ công ty, chi nhánh, địa điểm kinh doanh

a) Sửa đổi số điện thoại và số fax tại Khoản 2, như sau:

- Điện thoại: 02203.892.899;

- Fax: 02203.892.899.

b) Sửa đổi số điện thoại tại Khoản 3, như sau:

3.1. Xí nghiệp Khai thác công trình thủy lợi (KTCTTL) thị xã Chí Linh - Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hải Dương.

- Điện thoại: 02203.882325.

3.2. Xí nghiệp KTCTTL huyện Kinh Môn - Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: 02203.822.437.

3.3. Xí nghiệp KTCTTL huyện Kim Thành - Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: 02203.233.771.

3.4. Xí nghiệp KTCTTL huyện Nam Sách - Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: 02203.757.846.

3.5. Xí nghiệp KTCTTL huyện Thanh Hà - Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: 02203.815.416.

3.6. Xí nghiệp KTCTTL huyện Cẩm Giàng - Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: 02203.786.525.

3.7. Xí nghiệp KTCTTL huyện Bình Giang - Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: 02203.777.121.

3.8. Xí nghiệp KTCTTL huyện Tứ Kỳ - Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: 02203.747.269.



3.9. Xí nghiệp KTCTTL huyện Gia Lộc - Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: 02203.716.482.

3.10. Xí nghiệp KTCTTL huyện Ninh Giang - Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: 02203.767.244.

3.11. Xí nghiệp KTCTTL huyện Thanh Miện - Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: 02203.736.575.

3.12. Xí nghiệp Khảo sát thiết kế và xây dựng công trình - Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: 02203.610.696.

3.13. Ban quản lý dự án công trình thủy lợi nội đồng - Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: 02203.897.724.

2. Điều 4. Vốn điều lệ

Sửa đổi Khoản 3 như sau: **Vốn điều lệ** của công ty là **2.491.205.000.000 đồng** (Hai nghìn bốn trăm chín mươi một tỷ, hai trăm linh năm triệu đồng).

3. Điều 7. Chủ sở hữu

Sửa đổi số điện thoại và số Fax, như sau:

- Tel: 02203.853.713;

- Fax: 02203.853.601.

4. Điều 8. Người đại diện theo pháp luật

Sửa đổi, như sau: Chức danh người đại diện theo pháp luật của công ty là Chủ tịch công ty.

Người đại diện theo pháp luật của công ty phải thường trú tại Việt Nam, nếu vắng mặt quá 30 (ba mươi) ngày ở Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho 01 người khác theo thứ tự sau: Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty.

5. Điều 10. Quyền của công ty

Sửa đổi, bổ sung Khoản 12, như sau: Quyền của công ty thực hiện theo Điều 9 Luật doanh nghiệp năm 2014 và các quyền khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

6. Điều 11. Nghĩa vụ của của công ty

Bổ sung Khoản 10, như sau: Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp hoạt động công ích thực hiện theo Điều 9 Luật doanh nghiệp năm 2014 và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

7. Điều 12. Quyền của chủ sở hữu công ty

Sửa đổi Khoản c, như sau: Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý công ty, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức, bãi nhiệm, điều động luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho thôi việc, nghỉ hưu, đối với Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên.

8. Điều 15. Chủ tịch công ty

Sửa đổi Điểm 4.5, Khoản 4, như sau: Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu; Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của công ty; Kiểm soát viên công ty.

Bổ sung Điểm 4.7, như sau: Không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

9. Điều 16. Tổng Giám đốc công ty

Sửa đổi Khoản 1, như sau: Tổng Giám đốc do Chủ tịch công ty bổ nhiệm hoặc thuê theo phương án nhân sự đã được cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận.

Sửa đổi Khoản 2, như sau: Tổng Giám đốc được bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng với nhiệm kỳ 05 (năm) năm. Tổng Giám đốc có thể được bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng lại.

Bãi bỏ Khoản 3: Chủ tịch công ty có thể kiêm Tổng Giám đốc công ty.

Sửa đổi Khoản 4, như sau: Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc

4.1. Thường trú tại Việt Nam, Tổng Giám đốc phải là công dân Việt Nam;

4.2. Tốt nghiệp đại học có chuyên ngành phù hợp, có kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh thuộc ngành, nghề kinh doanh chính hoặc lĩnh vực, ngành, nghề liên quan đến ngành nghề kinh doanh chính của công ty;

4.3. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật;

4.4. Không đồng thời là cán bộ trong bộ máy quản lý nhà nước hoặc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội hoặc các chức vụ quản lý, điều hành tại các doanh nghiệp thành viên;

4.5. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu; Chủ tịch công ty; Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của công ty; Kiểm soát viên công ty;

4.6. Chưa từng bị cách chức Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc của doanh nghiệp nhà nước;

4.7. Không được kiêm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của doanh nghiệp khác;

4.8. Không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

10. Điều 17. Kiểm soát viên

Sửa đổi Khoản 1, như sau: Chủ sở hữu công ty quyết định bổ nhiệm 01 (một) Kiểm soát viên với nhiệm kỳ 03 (ba) năm hoặc việc thành lập Ban kiểm soát. Kiểm soát viên chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ sở hữu công ty về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Điều 2. Chủ tịch, Tổng Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hải Dương chịu trách nhiệm tổ chức việc thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các Sở, ngành, đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra và giám sát việc thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nội vụ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các Sở, ngành, đơn vị liên quan; Chủ tịch, Tổng Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hải Dương căn cứ quyết định thi hành. / *lcc*

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- PCVP UBND tỉnh: Ô. Khuyến;
- Trung tâm Công nghệ thông tin-VPUBND tỉnh;
- Lưu: VP, Thủy lợi

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Thái

Nguyễn Dương Thái

Số: **3442** /QĐ - UBND

Hải Phòng, ngày **26** tháng **8** năm **2025**

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại Điều lệ của
Công ty TNHH Một thành viên khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hải Dương

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 26/6/2025;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu tư công, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật đầu tư, Luật nhà ở, Luật đấu thầu, Luật điện lực, Luật doanh nghiệp, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự ngày 11/01/2022;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật doanh nghiệp ngày 17/6/2025;

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp ngày 14/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 3258/QĐ-UBND ngày 17/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc phê duyệt điều lệ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hải Dương;

Căn cứ Quyết định số 1691/QĐ-UBND ngày 01/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hải Dương;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 107/TTr-STC ngày 08/8/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác công trình thủy lợi tỉnh Hải Dương ban hành kèm theo Quyết định số 3258/QĐ-UBND ngày 17/12/2015 và Quyết định số 1691/QĐ-UBND ngày 01/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương. Cụ thể như sau:



1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1. Tên, địa chỉ công ty, chi nhánh, địa điểm kinh doanh tại Điều lệ ban hành kèm theo Quyết định số 3258/QĐ-UBND ngày 17/12/2015 và Quyết định số 1691/QĐ-UBND ngày 01/6/2018.

"1. Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI HẢI DƯƠNG

- Tên công ty viết bằng tiếng Anh: COMPANY LIMITED LIABILITY A MEMBER OF EXPLOITING IRRIGATION WORKS HAI DUONG

- Tên công ty viết tắt: Công ty TNHH MTV KTCTTL Hải Dương

2. Địa chỉ, trụ sở chính: Km4, đại lộ Nguyễn Lương Bằng, Phường Việt Hòa, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

3. Tên, địa chỉ chi nhánh:

3.1. Xí nghiệp Khai thác công trình thủy lợi Chí Linh - Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Hải Dương

- Địa chỉ: Số 693 Nguyễn Trãi 2, Phường Chu Văn An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

- Điện thoại: 02203.882.325

3.2. Xí nghiệp Khai thác công trình thủy lợi Kinh Môn - Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Hải Dương

- Địa chỉ: Số 126 Đường Trần Hưng Đạo, Phường Kinh Môn, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

- Điện thoại: 02203.822.696

3.3. Xí nghiệp Khai thác công trình thủy lợi Kim Thành - Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Hải Dương

- Địa chỉ: Số 19 Hồng Hà, Xã Phú Thái, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

- Điện thoại: 02203.722.488

3.4. Xí nghiệp Khai thác công trình thủy lợi Nam Sách - Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Hải Dương

- Địa chỉ: Số 29 Đường Hùng Vương, Xã Nam Sách, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

- Điện thoại: 02206.270.998

3.5. Xí nghiệp Khai thác công trình thủy lợi Thanh Hà - Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Hải Dương

- Địa chỉ: Khu 4, Xã Thanh Hà, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

- Điện thoại: 02203.815.416

3.6. Xí nghiệp Khai thác công trình thủy lợi Cẩm Giàng - Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Hải Dương

/

- Địa chỉ: Thôn Chi Thành, Xã Mao Điền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

- Điện thoại: 02203.786.525

3.7. Xí nghiệp Khai thác công trình thủy lợi Bình Giang - Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Hải Dương

- Địa chỉ: Số 310, Đường Thống nhất, Xã Kê sắt, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

- Điện thoại: 02203.777.121

3.8. Xí nghiệp Khai thác công trình thủy lợi Tứ Kỳ - Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Hải Dương

- Địa chỉ: Đường Tây Nguyên, Xã Tứ Kỳ, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

- Điện thoại: 02203.747.269

3.9. Xí nghiệp Khai thác công trình thủy lợi Gia Lộc - Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Hải Dương

- Địa chỉ: Số 2 Đường Nguyễn Chế Nghĩa, Xã Gia Lộc, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

- Điện thoại: 02203.716.482

3.10. Xí nghiệp Khai thác công trình thủy lợi Ninh Giang - Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Hải Dương

- Địa chỉ: Thôn 3, Xã Ninh Giang, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

- Điện thoại: 02203.767.244

3.11. Xí nghiệp Khai thác công trình thủy lợi Thanh Miện - Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Hải Dương

- Địa chỉ: Thôn An Nghiệp, Xã Thanh Miện, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

- Điện thoại: 02203.736.575

3.12. Xí nghiệp Khảo sát thiết kế và xây dựng công trình - Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Hải Dương

- Địa chỉ: Tổ dân phố Tranh Đấu, Phường Thạch Khôi, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

- Điện thoại: 02203.515.679

3.13. Ban quản lý dự án công trình thủy lợi nội đồng - Chi nhánh Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Hải Dương

- Địa chỉ: Km 4 đại lộ Nguyễn Lương Bằng, Phường Việt Hòa, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

- Điện thoại: 02203.897.724”

2. Sửa đổi thông tin về chủ sở hữu tại Điều 7 Điều lệ ban hành kèm theo Quyết định số 3258/QĐ-UBND ngày 17/12/2015.



(Handwritten signature)

“- Tên chủ sở hữu: ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG.

- Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà B, Trung tâm chính trị - hành chính thành phố, phường Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, Việt Nam”

Các nội dung khác tại Quyết định số 3258/QĐ-UBND ngày 17/12/2015 và Quyết định số 1691/QĐ-UBND ngày 01/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương không thay đổi.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Hải Dương có trách nhiệm thực hiện thủ tục thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, chứng nhận hoạt động chi nhánh theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Sở Tài chính hướng dẫn Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Hải Dương thực hiện thủ tục thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, chứng nhận hoạt động chi nhánh theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nội vụ, Nông nghiệp và Môi trường; Trưởng Thuế thành phố Hải Phòng; Chủ tịch, Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Hải Dương căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực thi hành từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT UBND TP T.V.Quân;
- PCVP UBND TP N.T.Hùng;
- Phòng TC;
- Lưu: VT, T.Đ.Anh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Quân